TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HC-PT
Ngày 15-02-2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 598/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HCST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3086/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Tống Thị L, sinh năm 1960. *(Có mặt)*

Địa chỉ: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn, sinh năm 1985. *(Có mặt)*

Địa chỉ: phường P1, thành phố V. Theo Giấy ủy quyền ngày 28/9/2020.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn G - Chủ tịch UBND huyện Đ. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim NUQ1 – Phó Chủ tịch UBND huyện Đ (Theo văn bản số 5115/GUQ-UBND 04/6/2021). *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Thanh NBV1 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (Theo văn bản số 3211/UBND-VP ngày 05/4/2022). *(Có mặt)*

- Ông Trang Tử Tự NBV2 – Giám đốc Trung Tâm phát triển quỹ đất huyện Đ (Theo văn bản số 5114/UBND-VP ngày 04/6/2021). *(Có mặt)*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh V – Quyền Chủ tịch UBND thị trấn H, huyện Đ (Theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 21/02/2022). *(Có mặt)*

- *Người kháng cáo*: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Bà Tống Thị L là chủ sử dụng đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820m² tọa lạc tại khu phố Hải Điền, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số: K 787829 do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là huyện Đ) cấp ngày 06/11/1997.

Nguồn gốc đất do ông Tống Kim E (cha bà L) là thành viên của Tập đoàn sản xuất nông nghiệp sử dụng. Sau khi Tập đoàn giải thể có phân chia lại ruộng đất cho thành viên trong Tập đoàn. Ông E nhận lại phần đất bàu thuộc khu vực GN canh tác. Năm 1993 ông E đi đăng ký cho lại con gái là bà Tống Thị L đứng tên. Trong Sổ mục kê đất năm 1997 thể hiện thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 diện tích: 9.820,0m², loại đất: LNK. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Tống Thị L nhưng thực tế ông E vẫn quản lý sử dụng. Khoảng năm 2011 – 2012 ông E mới đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L cất giữ.

Do nhu cầu sang nhượng đất nên bà L liên hệ với Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H để làm thủ tục thì được thông báo là toàn bộ diện tích đất của bà Nhà nước đang quản lý.

Bà L liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để trích lục sơ đồ vị trí thửa đất thì được biết diện tích bà thực tế sử dụng là 3.868,8m², giảm diện tích gần 6.000m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Ngày 31/5/2018, bà L làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Đ. Ngày 25/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Thông báo 4489/TB-UBND thụ lý đơn khiếu nại.

Quá trình khiếu nại, bà L đã yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo vẽ thực tế để xác định ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ 20. Theo bản vẽ ngày 17/7/2018 ghi nhận: diện tích đất của thửa 61, tờ bản đồ 20 có diện tích còn lại là 5.872m²; phần diện tích nhà nước đã thu hồi làm đường Nguyễn Tất Thành là 1.067,2m²; phần diện tích thu hồi làm đường số 3 (nay là đường Phạm Văn Đồng) là 676,32m²; phần diện tích thu hồi làm Trường mẫu giáo H 2 là 2.106,5m². Như vậy, UBND huyện Đ đã thu hồi tổng cộng 3.941m² đất của bà nhưng không thông báo thu hồi đất, không giải quyết bồi thường cho người có đất bị thu hồi gây ảnh hưởng và thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Hết thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng UBND huyện Đ không giải quyết khiếu nại nên ngày 06/8/2018 bà L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố hành vi hành chính: Thu hồi đất không có quyết định thu hồi, không có phương án bồi thường đối với người có đất bị thu hồi của Ủy ban nhân dân huyện Đ là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải ban hành các quyết định về thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi là 3.941m² cho bà Tống Thị L.

2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ xác nhận biến động diện tích đất giảm so với diện tích đất đã cấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787829, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00186 QSDĐ/276 do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là huyện Đ) cấp ngày 06/11/1997.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787829 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00186 do UBND huyện K (nay là huyện Đ) cấp ngày 06/11/1997, cụ thể:

Theo bản đồ địa chính được phê duyệt qua các năm 1999, 2006 các thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820m², loại đất bàu; thửa đất số 569, tờ bản đồ số 27, diện tích 173,0m², loại đất Thổ quả. Tổng diện tích 2 thửa là 9.993,0m² đất.

- Ngày 06/9/1997, UBND thị trấn H có tờ trình số 02/TT-UB về việc Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xử lý các trường hợp vi phạm chính sách đất đai, đính kèm danh sách các chủ sử dụng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, có hộ bà Tống Thị L gồm các thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820,0m², loại đất cây lâu năm (khác với loại đất Bàu ghi trong bản đồ địa chính được ký duyệt vào các năm 1999, 2006) và thửa đất số 569, tờ bản đồ số 27, diện tích 173,0m², loại đất Thổ quả. (*Theo bà Tống Thị L kê khai, nguồn gốc thửa đất số 61, tờ 20 là do cha mẹ bà là hộ ông Tống Kim E tặng cho*).

- Ngày 25/10/1997, phòng Địa chính huyện K có Tờ trình số 35/TT-ĐC về việc ký quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, phòng địa chính xác nhận có 307 hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành. Trong đó, có hộ bà Tống Thị L.

- Ngày 06/11/1997, UBND huyện K ban hành Quyết định số 276/QĐ-UBH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, có 307 hộ đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, có hộ bà Tống Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787829 ngày cấp 06/11/1997, với tổng diện tích 9.993,0m² đất, gồm các thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820,0m², loại đất cây lâu năm (khác với loại đất Bàu ghi trong bản đồ địa chính được ký duyệt vào các năm 1999, 2006 và thửa đất số 569, tờ bản đồ số 27, diện tích 173,0m ^{2} loại đất Thổ quả).

Về việc nạo vét GN:

Nhận thấy, GN (hay ao Bàu lớn) thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820,0m² do UBND thị trấn H quản lý, cần thiết phải nạo vét để nhằm phục vụ tưới cây nông nghiệp cho khu vực. Ngày 14/5/2002, tại Hội trường UBND thị trấn H ông Lê Văn Sâm (Bí thư Đảng ủy) chủ trì cùng với các thành viên của Hội Nông dân thị trấn. Trong đó, có ông Tống Kim E - Ủy viên hội nông nhân (là cha bà Tống Thị L), cùng với 10 hộ dân đang nuôi trồng thủy sản ở khu vực GN, họp bàn kế hoạch nạo vét ao GN. Qua bàn bạc các hộ dân nhất trí theo chủ trương của địa phương, đồng tình về việc nạo vét ao GN phục vụ cho bà con.

Ngày 19/6/2002, UBND thị trấn H có Tờ trình số 22/TT-UB về việc đề nghị trích quỹ lao động công ích năm 2001 để nạo vét các tuyến mương nội đồng và khu vực GN phục vụ sản xuất nông nghiệp; Đến ngày 29/8/2002, UBND thị trấn H ban hành quyết định số 133/QĐ-UB về việc thành lập ban quản lý dự án công trình nạo vét tuyến mương nội đồng thị trấn H. Trong đó, có hộ ông Tống Kim E - Cán bộ hội nông dân là Ủy viên. Ngày 03/9/2003, UBND huyện K ban hành quyết định số 4899/QĐ-UB về việc phê duyệt báo cáo đầu tư

nạo vét hồ chứa nước khu vực GN phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngày 29/10/2003, UBND huyện K ban hành quyết định số 6023/QĐ-UBND về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

Sau khi hoàn thành công trình nạo vét Giếng nghễ, ngày 09/02/2003 đại diện UBND thị trấn H, hội Nông dân là ông Nguyễn Tiến Thành (chủ tịch Hội Nông dân) và ông Tống Kim E (cán bộ Hội Nông dân) lập Hợp đồng kinh tế về việc cho thuê mặt bằng ao Giếng nghễ để nuôi cá nước ngọt cho ông Lê Văn Son, ngụ tại: Khu phố Hải Điền 1, thị trấn H, huyện Đ. Thời hạn 5 năm, kể từ ngày 09/02/2003, mỗi năm trả 3 triệu đồng.

Qua nội dung trên, cho thấy: Từ tháng 5 năm 2002, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820m², loại đất Bàu (theo bản đồ địa chính được ký duyệt vào các năm 1999, 2006) thuộc đất công do UBND thị trấn H quản lý, là GN (hay là ao Bàu lớn), được các hộ dân (10 hộ) nuôi trồng thủy sản trong khu vực ao đồng tình và nhất trí theo chủ trương của địa phương về việc nạo vét ao để phục vụ tưới cây nông nghiệp trong khu vực.

Về việc thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787829 do UBND huyện K cấp ngày 06/11/1997 để đầu tư xây dựng các công trình: Đường Tỉnh lộ 44A – giai đoạn 2, Đường quy hoạch số 3, Trường mầm non H 2 thuộc thị trấn H.

Vào các năm 2003, 2004, UBND huyện K (nay là huyện Đ) có thực hiện thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng các công trình: Đường Tỉnh lộ 44A – giai đoạn 2, Đường Quy hoạch số 3, thị trấn H, công trình Trường mầm non H 2, thuộc thị trấn H.

Căn cứ các quy định pháp luật về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cụ thể: Luật Đất đai 2003, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, các Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 10/03/2005, Quyết định số 976/2005/QĐ-UB ngày 21/03/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các văn bản hướng dẫn có liên quan, UBND huyện K (nay là huyện Đ) đã thực hiện đúng theo quy định về trình tự thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các công trình trên. Trong đó, có thu hồi 3.928,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 diện tích 9.820m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787829 cấp cho bà L.

Qua các biên bản kiểm kê thực tế của Hội đồng bồi thường huyện, biên bản xét nguồn gốc đất của UBND thị trấn H đối với phần diện tích thu hồi 3.928,2m² là đất công do UBND thị trấn H quản lý. Do đó các Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà khi UBND huyện phê duyệt không có tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích trên. Ngoài ra, khi thu hồi

đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các công trình Đường Quy hoạch số 3, Trường mầm non H 2 thuộc thị trấn H, hộ bà Tống Thị L chỉ kê khai và được bồi thường thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20 (chưa được cấp giấy chứng nhận) mà không kê khai thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 thuộc thị trấn H. Cụ thể như sau:

- Đối với công trình Đường Tỉnh lộ 44A-giai đoạn 2, thị trấn H:

Ngày 21/7/2003, UBND tỉnh ban hành quyết định số 6875/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án Đường Tỉnh lộ 44A-giai đoạn 2, thị trấn H.

Ngày 01/10/2003, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 8840/QĐ-UBND về việc thu hồi 259.214,1m² đất tại thị trấn H, huyện Đ và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Ban Quản lý dự án huyện Đ để đầu tư xây dựng: Đường Tỉnh lộ 44A-giai đoạn 2, thị trấn H.

Ngày 16/10/2003, Ban bồi thường thiệt hại và giải phóng mặt bằng huyện (sau đây gọi tắt là Ban BTTH và GPMB huyện) tiến hành kiểm kê đối với thửa đất số 104, diện tích 964,7m², theo bản đồ thu hồi đất tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính của thị trấn H.

Ngày 29/10/2003, Hội đồng xét đất của thị trấn H có biên bản họp xét duyệt quyền sử dụng đất thuộc công trình nêu trên. Tại thửa đất số 104 theo bản đồ thu hồi đất tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính, hội đồng xác định là đất công do UBND thị trấn H quản lý.

Ngày 17/02/2004, UBND huyện Đ có tờ trình số 11/TT-UB gửi UBND tỉnh về việc thẩm định và phê duyệt phương án đền bù Công trình: Tỉnh lộ 44A-giai đoạn 2.

Ngày 02/4/2004, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định số 1381/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho 38 hộ dân do thu hồi đất xây dựng công trình Tỉnh lộ 44A-giai đoạn 2 (Đợt 2). Trong đó, diện tích 964,7m² tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính của thị trấn H không bồi thường (do là đất công, thuộc UBND thị trấn H quản lý).

- Đối với công trình Đường Quy hoạch số 3, thị trấn H:

Ngày 31/10/2003, UBND tỉnh ban hành quyết định số 10098/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Đường Quy hoạch số 3, thị trấn H.

Ngày 15/11/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 9574/QĐ-UBND về việc thu hồi 93.914,7m² đất tại thị trấn H, huyện Đ và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Ban Quản lý dự án huyện Đ để đầu tư xây dựng: Đường Quy hoạch số 3, thị trấn H.

Ngày 10/12/2004, Ban BTTH và GPMB huyện tiến hành kiểm kê đối với thửa đất số 107, diện tích 873,4m², theo bản đồ thu hồi đất, tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính của thị trấn H.

Ngày 25/04/2005, Hội đồng xét đất của thị trấn H có biên bản họp xét duyệt quyền sử dụng đất thuộc công trình nêu trên. Tại thửa đất số 107 theo bản đồ thu hồi đất tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính, diện tích 873,4m² hội đồng xác định là đất công, do UBND thị trấn H quản lý.

Ngày 20/06/2005, Ban BTTH và GPMB huyện Đ có tờ trình số 152/TT-UB gửi UBND huyện về việc thẩm định và phê duyệt phương án đền bù Công trình: Đường Quy hoạch số 3, thị trấn H.

Ngày 23/6/2005, UBND huyện Đ ban hành quyết định số 1712/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình nêu trên. Trong đó, thửa đất số 107, diện tích 873,4m² theo bản đồ thu hồi đất tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính của thị trấn H không bồi thường (do là đất công, thuộc UBND thị trấn H quản lý).

- Đối với công trình Trường Mầm non H 2, thị trấn H:

Ngày 29/10/2004, UBND tỉnh ban hành quyết định số 8388/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường mầm non H 2, thị trấn H.

Ngày 20/7/2005, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2463/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.180m² đất tại thị trấn H, huyện Đ để đầu tư xây dựng: Trường Mẫu giáo H 2.

Ngày 23/05/2005, Ban BTTH và GPMB huyện tiến hành kiểm kê đối với các thửa đất số 11, 06, diện tích 2.090,1m², theo bản đồ thu hồi đất, tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính của thị trấn H.

Ngày 29/05/2005, Hội đồng xét đất của thị trấn H có biên bản họp xét duyệt quyền sử dụng đất thuộc công trình nêu trên. Tại các thửa đất số 11, 06, diện tích 2.090,1m², theo bản đồ thu hồi đất, tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính của thị trấn H, hội đồng xác định là đất công do UBND thị trấn H quản lý.

Ngày 11/08/2005, Ban BTTH và GPMB huyện Đ có tờ trình số 195/TT-UB gửi UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Công trình: Trường Mầm non H 2, thị trấn H.

Ngày 17/8/2005, UBND huyện Đ ban hành quyết định số 2276/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để đầu tư

xây dựng công trình nêu trên. Trong đó, các thửa đất số 11, 06, diện tích 2.090,1m², theo bản đồ thu hồi đất, tương ứng với một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 theo bản đồ địa chính của thị trấn H, không bồi thường (do là đất công do UBND thị trấn H quản lý).

Qua các nội dung trên, UBND huyện Đ nhận thấy:

Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 thuộc thị trấn H được thể hiện trên Bản đồ địa chính các năm 1999, 2006 với loại đất Bàu và thực tế sử dụng làm GN (ao Bàu lớn) do UBND thị trấn H quản lý; hộ là Tống Thị L thực tế cũng không sử dụng thửa đất này.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, loại đất Cây lâu năm, không đúng với thực tế sử dụng đất của hộ bà Tống Thị L (*thửa đất thực tế hộ bà Tống Thị L sử dụng là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.577,0m², loại đất Cây lâu năm*). Vấn đề này cũng được thể hiện rõ hơn qua các biên bản vận động nạo vét Giếng nghễ, Biên bản làm việc ngày 05/9/2013 của thị trấn H đối với hộ bà Tống Thị L (ông Nguyễn Văn Lý là chồng của bà Tống Thị L đại diện tham dự) về việc xác định thửa đất số 61, tờ bản đồ địa chính số 20, diện tích 9.820,0m² loại đất Bàu, thuộc đất bàu giếng nghễ của làng H. Ông Nguyễn Văn Lý có ý kiến: *"… Tôi cam kết tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20 đã cấp nhầm cho tôi, tôi đồng ý trả lại thửa đất trên để điều chỉnh lại giấy CNQSD đất của tôi và không khiếu nại tranh chấp về sau".*

Khi UBND huyện K (nay là huyện Đ) thu hồi đất thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đầu tư xây dựng các công trình: Đường Tỉnh lộ 44A-giai đoạn 2, Đường quy hoạch số 3, Trường Mầm non H 2 đã thực hiện đúng các quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng tại thời điểm thu hồi đất. Tuy nhiên, do phần diện tích thu hồi 3.928,2m² thuộc một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820,0m² là đất công do UBND thị trấn H quản lý, do đó các Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà UBND huyện phê duyệt không có tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích trên.

Do đó, việc bà Tống Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố, hành vi hành chính thu hồi đất không có quyết định thu hồi, không có phương án bồi thường đối với người có đất bị thu hồi của UBND huyện Đ là trái pháp luật, buộc UBND huyện Đ phải ban hành các quyết định về thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi là 3.941,0m² là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ủy ban nhân dân thị trấn H đã phát hiện việc cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820,0m² loại đất cây lâu năm thuộc

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787829 do UBND huyện K cấp ngày 06/11/1997 cho hộ bà Tống Thị L là có sai sót (*thay vì cấp đúng là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20 thuộc thị trấn H, diện tích 5.577,0m² loại đất cây lâu năm*). Tuy nhiên, đến nay UBND thị trấn H chưa có báo cáo và kiến nghị UBND huyện Đ chỉnh lý, thu hồi đối với thửa đất và giấy chứng nhận trên. Vấn đề này, UBND huyện Đ sẽ chỉ đạo UBND thị trấn H khẩn trương thực hiện trong thời gian tới.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị L. Kiến nghị UBND huyện Đ thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho bà L.

Không đồng ý với phán quyết của cấp sơ thẩm, người khởi kiện bà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại bản án hành chính phúc thẩm số 98/2021/HC-PT ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với lý do không đưa UBND thị trấn H vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập thêm chứng cứ, đưa UBND thị trấn H vào tham gia tố tụng. Các bên vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày nên vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ Điều 67, 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; mục 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị L. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải thực hiện:

Thủ tục thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường đối với 3.928,8m² đất thuộc thửa 61, tờ bản đồ số 20, thị trấn H, huyện K (nay là Đ) đã cấp cho bà Tống Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dung đất số K 787829 ngày 06/11/1997 của UBND huyện K.

Điều chỉnh lại diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K787829 ngày 06/11/1997 của UBND huyện K cho bà Tống Thị L sau khi đã bị thu hồi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 06/7/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị L.

Ngày 28/7/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 44/QĐ -VKS-HC đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải thực hiện thủ tục thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường đối với thửa số 61 cho bà L, bác yêu cầu đối với việc điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L do việc thu hồi đất đối với thửa 61 đã thực hiện từ năm 2003, 2004 và 2005 nhưng đến năm 2018 bà L mới khởi kiện là hết thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L là không đúng quy định. Do có sự nhầm lẫn trong việc xác định số thửa 61 và số thửa 64 khi cấp giấy chứng nhận cho bà L, trong khi thực tế gia đình bà không sử dụng thửa 61 mà sử dụng thửa 64 nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu điều chỉnh về diện tích đất của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cũng như các nội dung đã trình bày trong giai đoạn giải quyết ở cấp sơ thẩm, đồng thời thừa nhận có thụ lý đơn khiếu nại của bà L và đã xác minh nhưng chưa trả lời thì bà đã gửi đơn kiện đến Tòa án; do sai sót trong quá trình quản lý đã không phát hiện ra vào thời điểm thu hồi đất vào năm 2003, 2004, 2005 thì bà L vẫn còn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 61 và chỉ thu hồi quyền sử dụng đất của các hộ dân có đất bị ảnh hưởng dựa trên quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các văn bản thông báo việc thu hồi cụ thể đến các hộ này, không thông báo đến bà L.

Đối với việc cấp nhầm thửa đất cho bà L là thửa đất số 61 thay vì thửa số 64 thì đến năm 2018 khi bà L khiếu nại, phía Ủy ban mới xác minh lại, đến nay bà L cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích còn lại sau thu hồi của thửa số 64 nên sau khi có kết quả xét xử của Tòa án thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiến hành thanh tra để thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1997 cho bà L đối với thửa 61.

Đề nghị Tòa án chấp nhận kháng nghị và một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đại diện theo ủy quyền của bà L xác định bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 đối với thửa 61 dựa trên cơ sở được ông Tống Kim E cho đứng tên và ông E đã đăng ký, kê khai đầy đủ trong sổ mục kê của xã H. Bà L đã sử dụng đất trồng lúa nước và rau màu nhưng do phần mương trũng canh tác không hiệu quả nên chỉ sử dụng phần đất nổi. Do đất rộng, khi bị thu hồi không thấy chính quyền thông báo nên bà không biết được phần bị thu hồi thuộc đất nhà bà. Việc người bị kiện cho rằng cấp nhầm thửa cho bà L và thửa 61 là đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã H là hoàn toàn không có căn cứ vì chưa có văn bản nào có giá trị pháp lý để xác định việc này. Việc phía người bị kiện căn cứ vào Biên bản họp dân về nạo vét khu vực GN năm 2002 để cho rằng đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã không phải là chứng cứ hợp pháp vì thành phần cuộc họp là do ông Bí thư xã họp bàn với Hội Nông dân và một số hộ dân khác. Đối với các Biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn Lý - chồng bà L thì ông Lý đã xác định ông không được bà L ủy quyền bất cứ vấn đề gì và tài sản này là của riêng bà L được tặng cho nên đây cũng không phải là căn cứ xác định thửa 61 thuộc quyền quản lý của Ủy ban như phía người bị kiện trình bày.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn H trình bày: Ông Tống Kim E không được xã H chia đất mà ông tự đăng ký kê khai do thời điểm trước ông làm ở Hội Nông dân xã. Đối với thửa 61 vốn là Bàu giếng Nghễ thuộc phần Ủy ban xã quản lý trong đó có nhiều hộ dân cùng đào ao nuôi thủy sản sử dụng chung nguồn nước nên không thể cấp riêng cho cá nhân nào. Năm 1997 xã đã có tờ trình về việc xác định các hộ dân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận – trong đó có bà L là thực hiện đại trà nên không phát hiện nhầm thửa. Tuy không có văn bản nào chính thức xác định quyền quản lý phần đất trên cho Ủy ban xã H nhưng căn cứ vào Biên bản họp các hộ dân về nạo vét GN năm 2002 và các văn bản về sau cho thấy thửa đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban xã, bà L không thực tế sử dụng đất này nên các yêu cầu khởi kiện của bà là không có căn cứ.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng – người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Kháng cáo, kháng nghị làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung kháng nghị vẫn giữ nguyên và không bổ sung gì thêm.

Đối với kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị L - qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã

thu thập xét thấy phần đất bị thu hồi đã diễn ra vào các năm 2003, 2004, 2005 và bà L có biết sự việc này nhưng không khiếu nại; các biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn Lý, chồng bà L xác định người khởi kiện biết việc được cấp nhầm thửa từ năm 2013 nhưng đến năm 2019 bà L mới khởi kiện là đã hết thời hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết là sai nên cần hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về hành vi không thực hiện thủ tục thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường và hỗ trợ. Đối với yêu cầu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L sau khi đất bị thu hồi là không có căn cứ nên cần bác yêu cầu này.

Án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị và một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm như nội dung đã trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Án sơ thẩm đã xác định đúng loại kiện và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được tiến hành đúng quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2018, bà Tống Thị L trình bày quá trình khi đến Ủy ban Thị trấn H làm thủ tục chuyển nhượng đất mới biết được thông tin toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nhà nước đang quản lý nên đã khiếu nại vào ngày 31/5/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thụ lý đơn khiếu nại theo Thông báo số 4489/TB-UBND ngày 25/6/2018 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu nhưng hết thời hạn giải quyết khiếu nại không có văn bản giải quyết. Bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết vào ngày 06/8/2018.

Về phía người bị kiện cũng xác định quá trình thu hồi một phần diện tích đất thuộc thửa số 61 vào các năm 2003, 2004, 2005 đều không thông báo cho bà L do chỉ căn cứ vào các tài liệu, bản đồ, sổ mục kê từ năm 2002 để xác định đất

này thuộc Ủy ban nhân dân xã H quản lý và thực hiện thủ tục thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện Đ có thụ lý đơn khiếu nại của bà L vào ngày 25/6/2018 và đang xác minh nhưng chưa có kết quả giải quyết đơn thì bà L đã khởi kiện ra Tòa án.

Như vậy, có căn cứ để xác định bà L biết được quyền lợi của mình bị ảnh hưởng và đã thực hiện quyền khiếu nại lần đầu về hành vi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ vào năm 2018, được thụ lý đơn nhưng không được giải quyết trong thời hạn quy định nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì trường hợp này được xác định còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện:

Bà Tống Thị L khởi kiện hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi 3.941m² đất thuộc một phần thửa số 61, tờ bản đồ số 20 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K787829 đã cấp ngày 06/11/1997 cho bà L. Đây là hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Ngoài ra còn có yêu cầu về chỉnh lý diện tích đất còn lại sau thu hồi nên được xem xét theo thủ tục tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc, quá trình đăng ký kê khai và quản lý sử dụng đối với diện tích đất có liên quan đến yêu cầu khởi kiện theo tài liệu chứng cứ các bên cung cấp thấy rằng:

Phía bà L xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K787829 thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 20, diện tích 9.820m² cấp ngày 06/11/1997, đất tọa lạc tại khu phố Hải Điền, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà cho rằng đã trực tiếp sử dụng để trồng lúa từ năm 1989 đến năm 1999. Sự việc này diễn ra trước khi có Bản đồ địa chính năm 1999 và 2006 được phê duyệt.

Các chứng cứ người khởi kiện xuất trình kèm theo là bản đăng ký kê khai do ông Tống Kim E đăng ký từ năm 1992; Tờ trình số 02/TT-UB ngày 06/9/1997 của UBND Thị trấn H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đính kèm danh sách các chủ sử dụng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận; Tờ trình số 35/TT-ĐC ngày 25/10/1997 của Phòng Địa chính huyện K về việc ký quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành; Quyết định số 276/QĐ-UBH ngày 06/11/1997 của Ủy ban nhân dân huyện K cho 307 hộ dân đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận – trong đó có hộ bà L.

Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định thửa đất bà L đề cập thuộc quyền quản lý của UBND xã H căn cứ vào Biên bản ngày 14/5/2002 họp bàn kế hoạch

nạo vét ao GN giữa Hội Nông dân thị trấn H với 10 hộ dân đang nuôi trồng thủy sản ở khu vực này và các Bản đồ địa chính giai đoạn 2002 và 2006. Tuy nhiên, vào các thời điểm này và cho đến hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên vẫn tồn tại, Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân thị trấn H vẫn chưa xuất trình được chứng cứ pháp lý nào về việc xác lập quyền quản lý thửa đất của Ủy ban nhân thị trấn H nên cho rằng thửa đất bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có nhầm lẫn là không có cơ sở.

Thấy rằng, án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Tống Thị L và tuyên xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng nghị và yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của người bị kiện yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị L vì đánh giá không đúng bản chất vụ án: tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và xác định đến thời điểm xét xử phúc thẩm cũng chưa có đơn vị, cá nhân nào chính thức đăng ký hoặc được phê duyệt dự án để sử dụng diện tích đất trên trong khi bà L vẫn mong muốn tiếp tục sử dụng đất. Do đó kháng cáo này của người bị kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hành vi không thực hiện thủ tục thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và bác yêu cầu khởi kiện đối với nội dung điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nội dung này đã được nhận định như trên là không có căn cứ. Ý kiến của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Như phân tích trên, án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và Kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Quyết định kháng nghị số 44/QĐ -VKS-HC ngày 28/7/2022 của Viện Kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Điều 67, 69 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Mục 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị L. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải thực hiện:

Thủ tục thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường đối với 3.928,8m² đất thuộc thửa 61, tờ bản đồ số 20, thị trấn H, huyện K (này là Đ) đã cấp cho bà Tống Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dung đất số K 787829 ngày 06/11/1997 của Ủy ban nhân dân huyện K.

Điều chỉnh lại diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787829 ngày 06/11/1997 của Ủy ban nhân dân huyện K cho bà Tống Thị L sau khi đã bị thu hồi.

Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000327 ngày 07/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; đương sự đã thực hiện xong.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh BR-VT (1);
- VKSND tỉnh BR-VT (1);
- Cục THADS tỉnh BR-VT (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười **Nguyễn Văn Khương** **Nguyễn Thị Thụy Vũ**